

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới đối với Trung tâm Đăng kiểm 20-04D

Thực hiện Quyết định số 252/QĐ-TTS ngày 09/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải (GTVT) Thái Nguyên về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới đối với Trung tâm Đăng kiểm 20-04D, từ 08 giờ 30 phút ngày 18/10/2024 đến ngày 30/10/2024, Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và hoạt động kiểm định đối với Trung tâm Đăng kiểm 20-04D tại trụ sở Trung tâm Đăng kiểm 20-04D – Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 08/BC-ĐTT ngày 31/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, tiếp thu ý kiến dự thảo kết luận thanh tra kèm theo Văn bản số 09/PT-ĐTT ngày 31/10/2024 của Đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GTVT Thái Nguyên kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 20-04D (sau đây viết tắt là Trung tâm) địa chỉ tại xóm 9, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; cơ quan chủ quản thuộc Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên.

Trung tâm hoạt động kinh doanh dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới đường bộ có cơ sở pháp lý: Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số 2004D-01/ĐKVN-2024 do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 02/4/2024; số lượng dây chuyền kiểm định: Một dây chuyền – Dây chuyền kiểm định loại II; Biên bản kiểm tra đánh giá số 01-2023/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 25/10/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên, trong đó kết luận Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới với 01 dây chuyền được hoạt động kiểm định loại II.

Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm có bộ phận lãnh đạo gồm Giám đốc, 01 Phó Giám đốc để tổ chức quản lý, điều hành đơn vị đăng kiểm, trong đó có 01 lãnh đạo đơn vị (Phó Giám đốc) đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định theo quy định; bộ phận kiểm định gồm 04 người, trong đó có phụ trách bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên (01 đăng kiểm viên bậc cao, 03 đăng kiểm viên) để thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật của phương tiện; bộ phận văn phòng gồm 03 nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Điều kiện cơ sở vật chất

1.1. *Mặt bằng*: Trung tâm có mặt bằng để phục vụ kiểm định xe cơ giới theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP) và QCVN 103:2019/BGTVT Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BGTVT ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới (QCVN 103:2019/BGTVT).

1.2. *Nhà xưởng*: Trung tâm có các hạng mục về xưởng kiểm định, khu vực kiểm tra phương tiện có kết cấu, kích thước theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP) và QCVN 103:2019/BGTVT.

* *Tồn tại*: Khu vực đánh dấu trên dây chuyền một số vạch sơn bị bong tróc.

1.3. *Nhà văn phòng*: Trung tâm có các hạng mục nhà văn phòng theo quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

1.4. *Bãi đỗ xe, đường nội bộ*: Trung tâm có bãi đỗ xe, đường giao thông nội bộ cho xe cơ giới theo quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

1.5. *Dây chuyền kiểm định*: Trung tâm có 01 dây chuyền kiểm định (*Dây chuyền loại II dùng thiết bị MAHA*) được bố trí trong 01 xưởng kiểm định

Các dây chuyền kiểm định bố trí thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo QCVN 103:2019/BGTVT. Các thiết bị đo độ ồn và phân tích khí xả, thước cuộn được kiểm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 70/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2029 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường nhóm 2; các thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ khối, thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước được hiệu chuẩn theo yêu cầu của nhà sản xuất.

1.6. *Phần mềm, thiết bị thông tin, lưu trữ số liệu*: Trung tâm sử dụng phần mềm quản lý kiểm định do Cục ĐKVN quản lý; có đường truyền Internet với địa chỉ IP tĩnh, tốc độ phù hợp, hệ thống camera và thiết bị tạo kết nối với Cục ĐKVN đáp ứng điều kiện quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

1.7. *Hệ thống giám sát quá trình kiểm định*: Trung tâm có hệ thống camera IP sử dụng cho việc giám sát hoạt động kiểm định đáp ứng điều kiện quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

1.8. *Hệ thống, thiết bị hỗ trợ và trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy*: Trung tâm trang bị hệ thống thiết bị hỗ trợ công tác kiểm định gồm hệ thống âm thanh để thông báo cho chủ xe, màn hình tại phòng chờ khách hàng để công khai quá trình giám sát hoạt động kiểm định trên dây chuyền đáp ứng điều kiện quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT; hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Trung tâm được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu về an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

* *Tồn tại*: Trung tâm sử dụng camera (*cầm tay*) chụp ảnh xe cơ giới vào kiểm định (có hiển thị thời gian chụp trên ảnh).

1.9. *Thông tin niêm yết*: Trung tâm có niêm yết các thông tin, công khai cơ bản các thông tin theo quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

1.10. *Kiểm tra đánh giá định kỳ hàng năm*: Trung tâm được Cục ĐKVN, Sở GTVT Thái Nguyên kiểm tra, đánh giá định kỳ các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định tại định tại QCVN 103:2019/BGTVT.

2. Điều kiện về nhân lực; công tác quản lý, sử dụng đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ, đăng kiểm viên thực tập

2.1. *Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ, phụ trách dây chuyền kiểm định*: Trung tâm bố trí đủ số lượng đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định theo quy định; lãnh đạo Trung tâm, phụ trách dây chuyền kiểm định, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng điều kiện quy định:

- Điều kiện về nhân lực đáp ứng Điều 7 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP);

- Điều kiện về đăng kiểm viên đáp ứng Điều 14 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP);

- Điều kiện về nhân viên nghiệp vụ kiểm định đáp ứng Điều 20 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP);

- Điều kiện về phụ trách dây chuyền kiểm định đáp ứng Điều 23 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP);

- Điều kiện về lãnh đạo đơn vị đăng kiểm đáp ứng Điều 24 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP).

2.2. *Bố trí đăng kiểm viên, tổ chức phân công, thực hiện nhiệm vụ kiểm định*:

Qua kiểm tra các sổ phân công nhiệm vụ kiểm định và xác suất hồ sơ, tài liệu kiểm định, Trung tâm phân công đăng kiểm viên phù hợp với công đoạn đăng kiểm viên được thực hiện ghi trong Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; trên Phiếu kiểm định thể hiện đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra công đoạn kiểm tra theo nhiệm vụ được phân công.

2.3. *Số lượng đăng kiểm viên thực tập*: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm báo cáo không có đăng kiểm viên thực tập.

3. Thực hiện nội dung kiểm định

Theo số liệu báo cáo, Trung tâm đã kiểm định 12.485 phương tiện trong thời kỳ thanh tra. Trong đó: 10.644 phương tiện đạt tiêu chuẩn và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (ATKT&BVMT) (chiếm tỷ lệ 85%), 1.841 phương tiện không đạt tiêu chuẩn ATKT & BVMT (chiếm tỷ lệ 15%).

3.2. *Công tác lập hồ sơ phương tiện*: Theo số liệu báo cáo, Trung tâm đã lập tổng số 235 hồ sơ phương tiện; kiểm tra xác suất một số hồ sơ phương tiện của Trung tâm cho thấy hồ sơ phương tiện được lập, lưu hồ sơ phương tiện và lập sổ quản lý Phiếu lập hồ sơ phương tiện đầy đủ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

3.3. *Thực hiện nội dung kiểm tra, đánh giá xe cơ giới:* Kiểm tra xác suất một số hồ sơ kiểm định, hình ảnh (video) kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định tại một số thời điểm trong một số ngày cho thấy các đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá phương tiện cơ bản theo quy định.

* **Tồn tại:** Có đăng kiểm viên thực hiện không đúng nhiệm vụ được phân công, cụ thể: Ngày 14/10/2024 trên Sổ phân công nhiệm vụ thực hiện kiểm định Công đoạn 4 là đăng kiểm viên Vũ Chí Dũng, qua kiểm tra thực tế phần kiểm tra khí thải động cơ các xe 12C-038.72 (*phiếu kiểm định số 08722/24*), 20A-558.96 (*phiếu kiểm định số 08745/24*); ngày 21/10/2024 trên Sổ phân công nhiệm vụ thực hiện kiểm định Công đoạn 4 là đăng kiểm viên Vũ Chí Dũng, qua kiểm tra thực tế phần kiểm tra khí thải động cơ các xe 20C-060.65 (*phiếu kiểm định số 08998/24*), 20C-156.85 (*phiếu kiểm định số 08999/24*) trên dây chuyền kiểm định đăng kiểm viên Vũ Chí Dũng thực hiện không đúng nhiệm vụ được phân công.

- Một số phiếu kiểm định được lưu trữ trong hồ sơ kiểm định có ảnh chụp xe cơ giới chiếm khoảng 50% diện tích ảnh, chưa đúng theo quy định theo Điểm a Khoản 7 Điều 7 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT¹; một số Giấy chứng nhận kiểm định được lưu trữ trong hồ sơ kiểm định có ảnh chụp xe cơ giới chiếm khoảng 50% diện tích ảnh, chưa đúng theo quy định theo Điểm b Khoản 7 Điều 7 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT²

3.4. *Quản lý, cấp giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định:* Trung tâm thực hiện quản lý, theo dõi, lưu trữ Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định tồn, hỏng theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

3.4. *Quản lý, cấp giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định:* Trung tâm thực hiện quản lý, theo dõi, lưu trữ Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định tồn, hỏng theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

4. Công tác nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVT xe cơ giới cải tạo

Theo báo cáo, Trung tâm thực hiện nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo cho 99 phương tiện trong thời kỳ được thanh tra. Kiểm tra xác suất một số hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo lưu tại Trung tâm, cho thấy Trung tâm thực hiện nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVT và lưu trữ hồ sơ xe cơ giới cải tạo cơ bản đúng quy định tại Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT).

* **Tồn tại:** Hồ sơ 2004D-0155/2024/CNCT ngày 19/8/2024, phiếu kiểm soát quá trình nghiệm thu thiếu chữ ký người nộp, người nhận ký và trả kết quả thiếu chữ ký người nhận; các hồ sơ 2004D-0165/2024/CNCT ngày 05/09/2024; Hồ sơ 2004D-0167/2024/CNCT ngày 07/09/2024; Hồ sơ 2004D-0156/2024/CNCT ngày 21/08/2024 người ký biên bản nghiệm thu không phải chủ phương tiện, thiếu xác

¹ Chụp ảnh tổng thể xe để in trên Phiếu kiểm định: Ảnh chụp thể hiện được tổng thể xe, phần ảnh xe cơ giới chiếm khoảng 75% diện tích của ảnh.

² Chụp ảnh xe cơ giới để in trên Giấy chứng nhận kiểm định: Ảnh chụp ở góc chéo khoảng 45 độ từ phía sau bên phải theo chiều tiến của xe, phần ảnh xe cơ giới chiếm khoảng 75% diện tích của ảnh.

nhận người được uỷ quyền theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT).

5. Thực hiện chế độ báo cáo; lưu trữ hồ sơ, dữ liệu kiểm định; việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO

5.1. Thực hiện chế độ báo cáo: Trung tâm có thực hiện các loại báo cáo kết quả kiểm định, báo cáo sử dụng ấn chỉ, kiểm kê ấn chỉ³; báo cáo nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATKKT & BVMT xe cơ giới cải tạo⁴; báo cáo danh sách xe ô tô hết niên hạn sử dụng, báo cáo danh sách xe ô tô sắp hết niên hạn sử dụng⁵ theo quy định.

5.2. Lưu trữ hồ sơ, dữ liệu kiểm định:

- Về hồ sơ phương tiện: Kiểm tra xác suất một số hồ sơ phương tiện lưu tại Trung tâm cho thấy, hồ sơ có đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

- Về hồ sơ kiểm định: Kiểm tra xác suất một số hồ sơ kiểm định lưu tại Trung tâm cho thấy, hồ sơ kiểm định có đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

- Việc lưu trữ dữ liệu: Kiểm tra lưu trữ dữ liệu kiểm định hình ảnh camera giám sát hoạt động trên dây chuyền do Trung tâm cung cấp cho thấy, Trung tâm có lưu trữ dữ liệu hình ảnh dạng video kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định. Tuy nhiên, không đảm bảo thời gian tối thiểu 30 ngày theo quy định tại Khoản 3 Mục III Phụ lục IV Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT.

* *Tồn tại:* Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm lưu trữ dữ liệu ghi hình (dạng video) kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định được 16 ngày, không đảm bảo thời gian lưu trữ tối thiểu theo quy định tại Điểm 3 Mục III Phụ lục IV Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT.

5.3. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 5.3. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: Trung tâm có Giấy chứng nhận số 128QMS24 do Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thuộc Cục ĐKVN cấp ngày 10/7/2024, có hiệu lực đến ngày 21/7/2026, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của Công ty TNHH Đăng kiểm Thái Nguyên mã số 20-04D đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

* *Tồn tại:* Giấy chứng nhận ghi sai địa chỉ đơn vị đăng kiểm.

III. KẾT LUẬN

1. Những kết quả đã đạt được

Trung tâm đã cơ bản chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động kiểm định ATKKT & BVMT xe cơ giới, cụ thể:

³ Mẫu Phụ lục XIII Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

⁴ Mẫu Phụ lục X Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT).

⁵ Mẫu Phụ lục XIV Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

- Có đủ cơ sở pháp lý để hoạt động kiểm định xe cơ giới, có đủ mặt bằng, nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ cơ bản đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định.

- Bố trí đủ số lượng đăng kiểm viên, phụ trách dây chuyền phục vụ công tác kiểm định theo quy định; lãnh đạo đơn vị, phụ trách dây chuyền, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định; phân công nhiệm vụ các đăng kiểm viên phù hợp với các công đoạn đăng kiểm viên được thực hiện; các đăng kiểm viên cơ bản thực hiện kiểm định theo nhiệm vụ được phân công.

- Thực hiện kiểm định phương tiện, nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT xe cơ giới cải tạo cơ bản theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, dữ liệu kiểm định cơ bản theo quy định; công khai các nội dung trong hoạt động kiểm định theo quy định.

2. Những nội dung tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Trung tâm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, vi phạm trong hoạt động kiểm định ATKT&BVMT thể hiện ở một số nội dung về điều kiện cơ sở vật chất, thực hiện nội dung kiểm định, nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cơ giới cải tạo, thực hiện chế độ báo cáo; lưu trữ hồ sơ, dữ liệu kiểm định; lưu trữ dữ liệu ghi hình (dạng video) kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định không đảm bảo thời gian lưu trữ tối thiểu theo quy định; Giấy chứng nhận số 128QMS24 do Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thuộc Cục ĐKVN cấp ghi sai địa chỉ đơn vị đăng kiểm như đã nêu ở trên.

3. Nguyên nhân của các tồn tại

3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Có nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ được sửa đổi, bổ sung trong thời gian ngắn; nhiều văn bản chỉ đạo từ Cục ĐKVN nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đăng kiểm.

- Giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới áp dụng lâu ngày, không thay đổi trong thời gian dài nên hoạt động của Trung tâm gặp khó khăn;

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

Lãnh đạo Trung tâm chưa gương mẫu, còn thiếu sâu sát, chưa quan tâm công tác tự kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định; ý thức trách nhiệm của đăng kiểm viên còn hạn chế.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Để xảy ra tồn tại nêu trên, trách nhiệm thuộc về lãnh đạo Trung tâm, phụ trách dây chuyền và đăng kiểm viên có tồn tại, vi phạm trong hoạt động kiểm định.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Căn cứ các quy định của pháp luật, trong quá trình thanh tra tại Trung tâm, Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 252/QĐ-TTS ngày 09/10/2024 đã kiến nghị Thanh tra Sở tiến hành xử lý vi phạm hành chính:

- Lập biên bản vi phạm hành chính đối với Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 20-04D vi phạm lỗi “Không lưu trữ dữ liệu kiểm định theo quy định”, quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

- Lập biên bản vi phạm hành chính đối với đối với đăng kiểm viên Vũ Chí Dũng của Trung tâm đăng kiểm vi phạm lỗi “Thực hiện không đúng nhiệm vụ được phân công” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ/CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP).

V. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả thanh tra, căn cứ quy định của pháp luật, Thanh tra Sở kiến nghị Sở GTVT Thái Nguyên chỉ đạo đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 20-04D là đối tượng thanh tra

- Rà soát, kiểm tra, khắc phục và duy trì các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới và đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 103: 2019/BGTVT.

- Thay thế camera chụp ảnh phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại QCVN 103:2019/BGTVT; đảm bảo ảnh chụp phương tiện để in trên Phiếu kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVMT đảm bảo kích thước ảnh theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 7 Điều 7 Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

- Báo cáo cấp thẩm quyền bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO ghi sai địa chỉ trung tâm đăng kiểm.

- Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVMT xe cơ giới cải tạo, đảm bảo xác nhận của chủ phương tiện hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT).

- Thực hiện tốt việc lưu trữ dữ liệu ghi hình (dạng video) kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định đảm bảo thời gian lưu trữ tối thiểu 30 ngày theo quy định tại Điểm 3 Mục III Phụ lục IV Thông tư số 44/2023/TT-BGTVT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động kiểm định của các đăng kiểm viên; đảm bảo các đăng kiểm viên thực hiện đúng quy định trong công tác kiểm định phương tiện.

- Kiểm điểm, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh trong đội ngũ đăng kiểm viên về việc thực hiện, tuân thủ đúng nhiệm vụ được phân công.

2. Cơ quan Thanh tra Sở

- Tham mưu trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức là trung tâm đăng kiểm vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân là đăng kiểm viên vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP).

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động kiểm định xe cơ giới đối với các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

3. Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái

- Tăng cường công tác kiểm tra, tham mưu chỉ đạo các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới rà soát, tự kiểm tra, duy trì, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ kiểm định xe theo quy định để thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 103:2019/BGTVT.

- Tham mưu văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn đơn vị được thanh tra thực hiện các kiến nghị nêu trên.

Việc thực hiện Kết luận thanh tra và ý kiến chỉ đạo, xử lý sau thanh tra của cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở GTVT (để báo cáo);
- Phó Giám đốc Sở Trần Văn Long (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh TN (để báo cáo);
- Trung tâm ĐKXCG 2004D;
- Phòng QLVTPT&NL, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTT. *lưu*

CHÁNH THANH TRA



[Signature]
Ngô Thanh Tùng